

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2018/DSST**

Ngày: 07/9/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Ông Vũ Quyền Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 430/2018/DSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐST-DS ngày 31/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 810/2018/QĐST-DS ngày 16/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn B**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 106/4, KP. 4, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Ngọc C, sinh năm 1978.

Địa chỉ liên hệ: 16/1 đường H, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 14/6/2017).

- Bị đơn: Ông **Vũ Công L**, sinh năm 1955.

Nơi cư trú cuối cùng: 85/1, khu phố 2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Vương Khánh T**.

Địa chỉ: 85/1, KP. 2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang tạm giam tại Trại giam B5 - Công an tỉnh Đồng Nai.

(Ông Cương có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; còn ông L vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Từ Ngọc C trình bày:

Ngày 11/02/2017, ông Vũ Văn B cho ông Vũ Công L vay số tiền 2.100.000.000đ, mục đích vay: đầu tư xây dựng; thời hạn vay là 02 tháng và lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng nhưng không thể hiện trong giấy vay. Khi vay, hai bên có lập giấy biên nhận. Trong giấy biên nhận có ông Vũ Vương Khánh T là con trai ông L ký tên chỗ bên vay nhưng thực chất chỉ là người chứng kiến. Còn người vay và nhận tiền là ông L.

Hết thời hạn trên, ông L không thanh toán được khoản tiền gốc và lãi nào cho ông B. Mặc dù ông B đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng đến nay ông L vẫn không trả được khoản tiền nào cho ông B.

Ông L đã bỏ đi khỏi địa phương không biết hiện nay ở đâu, ông B đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm ông L vắng mặt tại nơi cư trú để ông L về giải quyết vấn đề tranh chấp hợp đồng với ông B.

Vì vậy, nay ông B khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 2.100.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 11/02/2017 đến tháng 8/2018 là 378.000.000đ, tổng cộng là 2.478.000.000đ.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Bị đơn - ông Vũ Công L:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên không có lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Vương Khánh T trình bày:

Ông là con trai của ông Vũ Công L. Việc ông L vay mượn và nhận tiền của ông B như thế nào ông không biết nhưng vào ngày 11/02/2017, ông B và ông L gọi ông đến nhờ viết giấy biên nhận tiền. Ông xác định chữ ký và chữ viết Vũ Công L trong Giấy biên nhận trên là do ông L ký và viết ra.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông B số tiền nợ gốc là 2.100.000.000đ và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 11/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại TP.B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP. B theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay theo giấy biên nhận đã ký. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Vũ Công L đã được Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 11/01/2018 và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; còn ông Vũ Vương Khánh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Bị đơn ông Vũ Công L đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ rất nhiều lần các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp được văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Theo Giấy biên nhận ngày 11/02/2017 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Vũ Văn B cho ông Vũ Công L vay số tiền 2.100.000.000đ, mục đích vay: đầu tư xây dựng.

Theo ông B và ông T trình bày thì tại Giấy biên nhận, ông L và ông T ký tên chỗ bên vay nhưng thực tế ông L là người vay và trực tiếp nhận tiền, ông T chỉ là người chứng kiến. Ông T là con ông L cũng xác định chữ ký và chữ viết Vũ Công L trong Giấy biên nhận trên là do ông L ký và viết ra.

Như vậy, việc vay mượn tiền giữa ông B và ông L là có thật. Do ông L không thanh toán được tiền nợ nên nay ông B khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 2.100.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 11/02/2017 đến tháng 8/2018 là 378.000.000đ, tổng cộng là 2.478.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông L phải nộp 81.560.000đ án phí DSST theo quy định. Hoàn trả cho ông B số tiền 37.840.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002160 ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 ; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Vũ Công L phải thanh toán cho ông Vũ Văn B số tiền 2.478.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng); trong đó, nợ gốc là 2.100.000.000đ và tiền lãi từ ngày 11/02/2017 đến tháng 8/2018 là 378.000.000đ.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông L phải nộp 81.560.000đ án phí DSST theo quy định. Hoàn trả cho ông B số tiền 37.840.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002160 ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L và ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP.Biên Hòa
- THADS TP. Biên Hòa
- Đương sự
- Lưu (3)

Bùi Lan Hương

